

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO LÂM  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **58/2022/HNGĐ- ST**

Ngày : 30-8-2022

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Hà

2. Bà Đỗ Thị Thương Huyền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Vương- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 197/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Lê Hữu T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

**- Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Anh T có mặt, chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 24/5/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau từ năm 2018, hôn nhân tự nguyện, không tổ chức lễ cưới. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 29/10/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do cả hai không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn càng trầm trọng không thể hàn gắn, ly thân từ năm 2021 đến nay phân ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên anh T yêu cầu giải quyết ly hôn với chị H.

Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị H không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống đến nay anh T và chị H không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống anh T và chị H không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/8/2022 tại Tòa án, bị đơn chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B. Khi sống chung giữa hai vợ chồng không hợp nhau, thường hay cãi nhau nên không sống chung nữa. Nay chị H cũng đồng ý ly hôn với anh Lê Hữu T.

Về con chung: Chị H và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 10/8/2022 nhưng không thành, anh T có mặt, chị H có đơn yêu cầu vắng mặt. Anh T có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải vụ án nữa mà giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về thủ tục tố tụng:**

Bị đơn chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

#### **2. Về nội dung vụ án:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Hữu T và chị Nguyễn Thị H chung sống tự nguyện từ năm 2018, không tổ chức lễ cưới. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 29/10/2018. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ năm 2021 đến nay, phân ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, cả anh T và chị H đều yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh T và chị H được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

*Về con chung:* Anh T, chị H đều trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

*Về tài sản chung:* Anh T, chị H thống nhất trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

*Về nợ chung:* Anh T, chị H thống nhất trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

**3. Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc anh Lê Hữu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hữu T đối với chị Nguyễn Thị H về việc “Ly hôn”.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho anh Lê Hữu T và chị Nguyễn Thị H được ly hôn.

**2. Về án phí:** Buộc anh Lê Hữu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0004546 ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã L, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Nguyễn Thị Bích Thủy**









